

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2018/HNGĐ- ST

Ngày: 26/01/2018

*V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Biên

Bà Phạm Thị Chuộng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 410/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX- ST ngày 04/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Lê Xuân M, sinh năm 1982

Nơi đăng ký HKTT: Khu 5, thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2017, bản tự khai, biên bản làm việc nguyên đơn chị Phạm Thị Thủy trình bày: Ngày 05/11/2007, chị T kết hôn với anh Lê Xuân M, sinh năm 1982, địa chỉ: khu 5 thị trấn P, Kinh Môn, Hải Dương tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Kinh Môn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm đầu sau kết hôn. Tuy nhiên nhiều năm sau đó hai bên sống không có hạnh phúc, khi còn chung sống cùng thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không còn hợp nhau, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người một ý, ngoài ra còn bất đồng quan điểm trong cách làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng liên tục cãi nhau, hạnh phúc gia đình không còn. Bản thân anh M là trụ cột gia đình nhưng không chịu tu dưỡng làm ăn mà lao vào việc chơi bời với bạn bè xấu và vi phạm pháp luật, nhiều năm nay đang phải chấp hành cải tạo án phạt tù tại Trại giam Y, tỉnh Sơn La. Nay, chị T xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn giải quyết cho chị T được ly hôn anh M;

Về con chung: Vợ chồng chị T có hai con chung là Lê Đức D, sinh ngày 19/10/2007 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 27/12/2010. Từ nhỏ đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi hai con, chị lo cho hai con ăn học đầy đủ bằng các bạn bè cùng lứa tuổi, không để hai con thiếu thốn gì. Bản thân anh M nhiều năm qua ở trong tù nên không có điều kiện để chăm sóc con chung, hơn nữa anh M còn chấp hành án hơn 10 năm nữa mới mãn hạn tù nên không thể có điều kiện nuôi hai con được. Do vậy, khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi;

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện chị T không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thủ tục giao cho anh M thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải của Tòa án nhưng do anh M đang chấp hành án phạt tù nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án;

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017 và biên bản ghi lời khai ngày 05/1/2018, anh Lê Xuân M xác định: Anh M và chị T được tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn vào ngày 05/11/2007. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian những năm đầu, sau đó cuộc sống chung xảy ra nhiều bất đồng quan điểm. Do vi phạm pháp luật nên anh đang phải chấp hành mức án phạt tù là 17 năm 03 tháng tại Trại Giam Yên Hạ, tỉnh

Sơn La từ năm 2013. Nay, chị T làm đơn ly hôn anh M nhất trí để giải phóng cuộc sống riêng cho chị T;

Về con chung: Vợ chồng anh M có hai con chung như chị T xác định tại Tòa án là đúng. Do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh nhất trí việc chị T đề nghị được nuôi hai con chung;

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện anh M không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, Đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử*: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị T được ly hôn anh M. Về con chung, xử giao cho chị T được quyền nuôi hai con chung là Lê Đức D, sinh ngày 19/10/2007 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 27/12/2010. Chấp nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh M hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T đến khi hai con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay chị T và anh M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T, anh M được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh M có hộ khẩu tại thị trấn P, huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị T là đúng thẩm quyền.

[2] Căn cứ đơn và yêu cầu của chị T xin ly hôn và giao nuôi con chung thì thấy: Qua lời khai của các đương sự, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình nguyên đơn và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị T, anh M nhiều năm nay không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng không thể tự giải quyết được,

gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh M nhiều năm nay và hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại tỉnh Sơn La, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị T, anh M đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chị T, anh M có hai con chung là Lê Đức D, sinh ngày 19/10/2007 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 27/12/2010. Chị T, anh M cùng xác định thực tế nhiều năm qua và hiện tại chị T là người đang trực tiếp chăm lo hai con chung ăn học đầy đủ bằng bạn bè tại thị trấn Phú Thứ. Còn anh M đang chấp hành án phạt tù tại tỉnh Sơn La. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi cho các con chung của chị T, anh M. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị T được quyền nuôi cháu D và Duyên là phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu và có căn cứ pháp luật;

Về cấp dưỡng nuôi con chung, hiện chị T tự nguyện không yêu cầu anh M hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. Xét đây là sự tự nguyện của chị T nên cần chấp nhận là phù hợp pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện chị T, anh M không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh M không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Xuân M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Phạm Thị T được quyền nuôi con là Lê Đức D, sinh ngày 19/10/2007 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 27/12/2010.

Chấp nhận việc chị Phạm Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Lê Xuân M hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001342 ngày 14/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. *Án xử công khai sơ thẩm*. Tòa án báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Thẩm phán

Phạm Thị Chuộng - Phạm Văn Biên

Phạm Anh Tuyết

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Long;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

